

Bản án số: 30/2026/HSST
Ngày: 13/6/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô.

Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2026/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2026/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Phạm Hồng A, sinh năm 1983, tại thành phố Đ.

Căn cước công dân số: 070083000894

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Lê Thị B; bị cáo có vợ và 03 người con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/9/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai) xử phạt 03 tháng 22 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 cho đến nay, (có mặt)

2. Lê Văn P, sinh năm 2000, tại thành phố Đ.

Căn cước công dân số: 070200002777

Nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Tạ Thị Ánh H2; bị cáo có vợ và 02 người con lớn nhất sinh năm 2024, nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/9/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai) xử phạt 03 tháng 22 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 cho đến nay, (có mặt)

3. Vũ Quang T, sinh năm 1990, tại tỉnh Ninh Bình.

Căn cước công dân số: 036090022019

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Q và Vũ Thị T1; bị cáo có vợ là Vũ Thị H3 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 đến ngày 15/02/2026 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

4. Vũ Thị H3, sinh năm 1994, tại tỉnh Ninh Bình.

Căn cước công dân số: 036194010627

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình C và Trần Thị H4; bị cáo có chồng là Vũ Quang T và 03 người con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 đến ngày 15/02/2026 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Phạm Hải S, sinh năm 1982, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H - B, xã B, thành phố Đ.

2. Hứa Anh T2, sinh năm 1982, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ.

3. Thị M, sinh năm 2001, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C - B, xã B, thành phố Đ.

4. Trần Quốc D, sinh năm 1981, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E - B, xã B, thành phố Đ.

5. Phạm Văn N, sinh năm 1978, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E - B, xã B, thành phố Đ.

6. Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1970, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn I - B, xã B, thành phố Đ.

7. Lương Văn Đ, sinh năm 1993, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn F - B, xã B, thành phố Đ.

8. Điều Va R, sinh năm 1997, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn F - B, xã B, thành phố Đ.

9. Nguyễn Xuân H5, sinh năm 2001, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn F - B, xã B, thành phố Đ.

10. Nông Văn H6, sinh năm 1991, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn F - B, xã B, thành phố Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vũ Văn Q, sinh năm 1968, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thành phố Đ.

2. Lê Văn M1, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước nên khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 23/12/2025, Lê Văn P điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner màu bạc, biển số đăng ký 93A-360.18 (của anh Lê Văn M1 là anh ruột của P) đi từ nhà thuộc thôn E, xã Đ, thành phố Đ đến thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai để chở Phạm Hồng A đi trộm chó. Hồng A chuẩn bị 02 nỏ tự chế có gắn dây điện đầu vào 02 bình ắc quy (súng bắn chó); 10 cuộn băng keo màu vàng sử dụng để trói chó; 01 tấm bạt màu đen lót lên xe làm chỗ đặt chó khi bắt được; 07 kg sắt vụn cắt nhỏ đựng trong túi nilon với mục đích khi trộm chó bị nếu người khác phát hiện thì Hồng A sẽ rải xuống mặt đường làm vật cản. P chở Hồng A đến khu vực vắng người thì dừng xe lại để P tháo biển số thật (93A-360.18) cất lên xe và thay thế bằng biển số giả (do P nhặt được trước đó); Hồng A trải tấm bạt ra phía hàng ghế phía cuối xe. P điều khiển xe đến hướng khu vực cầu Đ II (tại km 26 + 504 đường Đ) thuộc thôn F, xã Đ, thành phố Đ để tìm chó trộm cắp. Khi phát hiện ra chó của người dân đi lại ven đường thì P dừng xe lại để Hồng A xuống xe, sử dụng súng bắn vào người con chó làm chó bị bất tỉnh tạm thời, Anh mang con chó bắt được lên xe thì P bắt đầu cho xe tiếp tục di chuyển, khi lên xe thì Hồng A sử dụng băng keo quấn chặt miệng và 04 chân của chó lại với nhau, sau đó bỏ con chó ra hàng ghế phía sau xe. Trên quãng đường khoảng 2,5 km từ cầu Đ II đi về hướng xã B cùng thuộc thôn F, xã Đ, thành phố Đ đã trộm cắp được 12 con chó của 09 chủ sở hữu gồm: ông Phạm Hải S, ông Hứa Anh T2, bà Thị M, ông Trần Quốc D, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Xuân S1, ông Lương Văn Đ, ông Điều Va R, ông Nguyễn Xuân H5.

Sau đó, P và Hồng A tiếp tục di chuyển theo hướng xã B, thành phố Đ cùng trên tuyến đường ĐT 760, khi đi đến đoạn đường thôn F - B, xã B, thành phố Đ thì bắn điện thêm được 03 con chó của ông Nông Văn H6.

Trên đường đi Hồng A sử dụng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng gold gọi cho Vũ Quang T (T và Hồng A biết nhau do T thường xuyên đi mua chó dạo nên quen biết) đề hỏi địa chỉ nhà và nói sắp mang chó đến để bán thì T đồng ý. Khi P điều khiển xe đi đến nhà của T thuộc thôn B, xã B, thành phố Đ. T nói Vũ Thị H3 (là vợ của T) ra mở cổng để mua chó thì H3 đồng ý và chuẩn bị số tiền 26.200.000 đồng sử dụng một phần trong số này để trả khi mua chó. Khi cổng mở P lùi xe vào trong sân nhà thì H3 đóng cổng, dùng 01 ổ khóa số màu vàng móc lại (nhưng không khóa) mục đích để người khác không nhìn thấy quá trình mua bán chó. Khi xe vào trong nhà thì T ra phía cuối nhà lấy 01 cái xe rửa màu xanh, Huế lấy phía sau nhà 01 cái thau nhựa màu xanh cùng mang lên phía cuối đuôi xe. Tại đây, đã có sẵn 01 cái cân hiệu Nhon Hòa loại 150 kg. P và Hồng A thấy biển số giả mà P lắp đã không còn, biết biển số này đã bị rơi mất trên đường. Phụng mở cửa phía đuôi xe để bán 15 con chó. T và Huế quan sát: Những con chó khi bán đã bị miệng, trói chân, bị thương, bị bất tỉnh, bán lúc sáng sớm khoảng 04 giờ 20 phút thì T và H3 biết những con chó này là do Hồng A và P trộm chó của người dân mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại và sẽ giảm giá từ 50.000 đồng/01 kg xuống còn 45.000 đồng/01 kg, thì tất cả cùng thống nhất giao dịch mua, bán 15 con chó này. Hồng A dùng tay trực tiếp nhấc 04 con chó đầu tiên từ xe ô tô lên thau đã được đặt sẵn trên cân, khi thau đầy thì tất cả cùng nhau quan sát trọng lượng của

04 con này là 53 kg, rồi Hồng A tiếp tục nhấc 04 con chó này lên xe rửa để T đẩy ra sân giếng phía sau nhà. Trong lúc này Hồng A tiếp tục đặt 04 con chó với tổng trọng lượng 51 kg lên cân để Huệ và P quan sát nhằm xác định trọng lượng thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, lúc này trên xe ô tô còn lại 07 con chó với trọng lượng là 98 kg. Thấy có dấu hiệu tội phạm, nên Công an xã B, thành phố Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hồng A, P, H3 và T, thu giữ tang vật để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 105KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự xã B, thành phố Đ, kết luận: Giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra tội phạm như sau: 15 con chó có trọng lượng 202kg x 50.000.000 đồng/kg có giá trị 10.100.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả 15 con chó đã thu giữ cho 10 chủ sở hữu hợp pháp là Phạm Hải S, Hứa Anh T2, T, Trần Quốc D, Phạm Văn N, Nguyễn Xuân S1, Lương Văn Đ, Điều Va R, Nguyễn Xuân H5, Nông Văn H6.

Đối với số tiền 26.200.000 đồng của Vũ Thị H3, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả lại cho Vũ Thị H3.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner màu bạc cùng biển số đăng ký theo xe: 93A - 360.18 do P mượn của anh Lê Văn M1 để làm phương tiện thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định anh M1 không biết việc P sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả chiếc xe cho anh M1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 bộ biển số giả do P lắp vào xe trước khi đi trộm cắp tài sản (Phụng khai báo không nhớ đặc điểm của biển số), trong quá trình xe di chuyển đã bị rơi mất, không rõ cụ thể ở khu vực nào, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa xác định được nên không cơ sở để xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 Pro; 02 nổ tự chế có gắn dây điện đấu vào 02 bình ắc quy loại bình nhỏ; 05 cuộn băng keo màu vàng (do đã dùng 05 cuộn); 01 tấm bạt màu đen; 07 kg sắt vụn cắt nhỏ đựng trong túi nilon; 01 cái cân hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 150kg; 01 cái thau nhựa màu xanh; 01 xe rửa màu xanh; 01 ổ khóa số màu vàng chuyển Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: 10 bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 09/CT - VKS ngày 12/3/2026, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai truy tố các bị cáo Phạm Hồng A, Lê Văn P về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Các bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 phạm về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hồng A và Lê Văn P phạm Tội

trộm cắp tài sản. Hai bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hồng A 05 tháng 20 ngày tù đến 06 tháng tù.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn P 05 tháng 20 ngày tù đến 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Hồng A từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn P từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Quang T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị H3 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng

Các bị cáo Lê Văn P, Phạm Hồng A, Vũ Quang T và Vũ Thị H3 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 24/12/2025, Phạm Hồng A rủ Lê Văn P đi trộm cắp 15 con chó có trọng lượng 202kg có giá trị 10.100.000 đồng của 10 bị hại thuộc thôn F, xã Đ, thành phố Đ và thuộc thôn F - B, xã B, thành phố Đ. Bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 biết rõ 15 con chó là do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua, khi đang giao dịch mua bán thì Cơ quan Công an xã B, thành phố Đ kiểm tra phát hiện đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hồng A, P, H3 và T, thu giữ tang vật để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Phạm Hồng A và Lê Văn P đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Hành vi của các bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 đã phạm vào Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Điều 323. Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài, được hưởng thụ, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Mặc dù có sự chuẩn bị về công cụ phương tiện nhưng không có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Trong đó, bị cáo Phạm Hồng A là người nảy sinh ý trộm cắp tài sản và rủ bị cáo Lê Văn P cùng đi trộm cắp tài sản. Bị cáo Lê Văn P khi được bị cáo Phạm Hồng A rủ tham gia trộm cắp tài sản thì đã đồng ý và chuẩn bị phương tiện để trộm cắp tài sản. Bản thân các bị cáo đã từng có tiền án về Tội trộm cắp tài sản mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn bị xem là có nhân thân không tốt. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị vẫn được xem là phạm tội lần đầu.

Đối với bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 mặc dù biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã thu mua của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bốn bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có con con còn nhỏ. Riêng đối với bị cáo Phạm Hồng A và Lê Văn P có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, các bị cáo Lê Văn P và Phạm Hồng A có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo đã có thời gian tạm giam là 05 tháng 20 ngày cũng đủ tác dụng dẫn đe và phòng ngừa chung. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng mức hình phạt bằng thời hạn tạm giam là có căn cứ.

Đối với bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 là vợ chồng có con còn nhỏ, hai bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng nào có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và buộc các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng dẫn đe và giáo dục các bị cáo. Do các bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ thu nhập của hai bị cáo mà buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do hai bị cáo Lê Văn P và Phạm Hồng A đang ở độ tuổi lao động nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 là vợ chồng đang nuôi con nhỏ, đồng thời các bị cáo đã bị buộc phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả 15 con chó đã thu giữ cho 10 chủ sở hữu hợp pháp là Phạm Hải S, Hứa Anh T2, T, Trần Quốc D,

Phạm Văn N, Nguyễn Xuân S1, Lương Văn Đ, Điều Va R, Nguyễn Xuân H5, Nông Văn H6.

Đối với số tiền 26.200.000 đồng của Vũ Thị H3, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả lại cho Vũ Thị H3.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner màu bạc cùng biển số đăng ký theo xe: 93A - 360.18 do P mượn của anh Lê Văn M1 để làm phương tiện thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định anh M1 không biết việc P sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã trả chiếc xe cho anh M1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với các tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 bộ biển số giả do P lắp vào xe trước khi đi trộm cắp tài sản (Phụng khai báo không nhớ đặc điểm của biển số), trong quá xe di chuyển đã bị rơi mất, không rõ cụ thể ở khu vực nào, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ không thu hồi được nên không xem xét.

Cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 Pro; 01 cái cân hiệu Nhon Hòa màu xanh loại 150kg.

Cần tịch thu tiêu hủy: 02 nổ tự chế có gắn dây điện đấu vào 02 bình ắc quy loại bình nhỏ; 05 cuộn băng keo màu vàng (do đã dùng 05 cuộn); 01 tấm bạt màu đen; 07 kg sắt vụn cắt nhỏ đựng trong túi nilon; 01 xe rửa màu xanh; 01 ổ khóa số màu vàng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng A và Lê Văn P phạm Tội trộm cắp tài sản. Hai bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng A 05 tháng 20 ngày (năm tháng, hai mươi ngày), bằng thời hạn tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn P 05 tháng 20 ngày (năm tháng, hai mươi ngày), bằng thời hạn tạm giam.

T3 trả tự do cho bị cáo Phạm Hồng A và Lê Văn P ngay tại phiên tòa, nếu không đang bị tạm giữ, tạm giam về một tội khác.

Áp dụng khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Hồng A 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Quang T 15 tháng (mười lăm tháng) cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 24/12/2025 đến ngày 15/02/2026 tương đương với 5 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H3 15 tháng (mười lăm tháng) cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 24/12/2025 đến ngày 15/02/2026 tương đương với 5 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 về Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Buộc các bị cáo Vũ Quang T và Vũ Thị H3 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tuyên tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 Pro; 01 cái cân hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 150kg.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 nỏ tự chế có gắn dây điện đấu vào 02 bình ắc quy loại bình nhỏ; 05 cuộn băng keo màu vàng (do đã dùng 05 cuộn); 01 tấm bạt màu đen; 07 kg sắt vụn cắt nhỏ đựng trong túi nilon; 01 cái thau nhựa màu xanh; 01 xe rửa màu xanh; 01 ổ khóa số màu vàng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Hồng A, Lê Văn P, Vũ Quang T và Vũ Thị H3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND thành phố Đồng Nai.
- Sở tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- PTHADS khu vực 12 – Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Khắc Thanh